

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

THÁNG 08 NĂM 2025



Thị trường Sơ cấp:

- ❖ **Tính đến cuối tháng 08/2025, tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành khoảng 1,328,706 tỷ đồng**, giảm -1.45% so với tháng trước. Hoạt động phát hành mới phục hồi trong tháng 08/2025 sau khi sụt giảm trong tháng 7 đạt 60,562 tỷ đồng, tăng +33.1% MoM. Trong đó, phát hành riêng lẻ đạt 57,230 (+79% MoM) và phát hành công chúng đạt 6,332 tỷ đồng (-53.3% MoM).
- ❖ **Nhóm Ngân hàng và Bất động sản chiếm phần lớn giá trị phát hành**, lần lượt ở mức 37,214 tỷ đồng (chiếm 59%) và 21,623 tỷ đồng (chiếm 34%).
- ❖ **Tổ chức phát hành tiêu biểu trong tháng:** Vinhomes (15,000 tỷ đồng), OCB (7,900 tỷ đồng), Ngân hàng Bắc Á (4,700 tỷ đồng), HDBank (4,532 tỷ đồng), LPBank (4,500 tỷ đồng), MBBank (2,750 tỷ đồng).
- ❖ **Hoạt động mua lại trái phiếu cũng tăng trở lại so với kỳ trước đạt 45,767 tỷ đồng, +84.0% MoM.** Với chủ yếu là nhóm Ngân hàng mua lại 26,685 tỷ đồng (chiếm 58%) và nhóm Bất động sản mua lại 7,855 tỷ đồng (chiếm 17%).
- ❖ **Đáo hạn trái phiếu tiếp tục tăng mạnh khi đạt 33,997 tỷ đồng**, tăng +102.8% so với tháng trước.

Thị trường Thứ cấp:

- ❖ **Giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường thứ cấp trong tháng 08/2025 đạt 5,798 tỷ đồng, giảm -6.4% so với tháng trước.** Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt 121,761 tỷ đồng, giảm -14.5% MoM. Trong đó, nhóm phát hành riêng lẻ đạt 109,311 tỷ đồng (-15.1% MoM) và nhóm phát hành công chúng đạt 12,450 tỷ đồng (-8.8% MoM).
- ❖ **Nhóm Ngân hàng và nhóm Bất động sản vẫn chiếm phần lớn khối lượng giao dịch**, với tỷ trọng lần lượt ở mức 49.4% và 29.7% trong tháng 08/2025.
- ❖ **Top 5 trái phiếu có thanh khoản cao nhất:** ACB (9,968 tỷ đồng), HDBank (7,912 tỷ đồng), TPBank (5,119 tỷ đồng), BIDV (4,328 tỷ đồng), và nhóm phi tài chính như Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp An Thịnh (6,095 tỷ đồng), Vietjet Air (4,844 tỷ đồng).

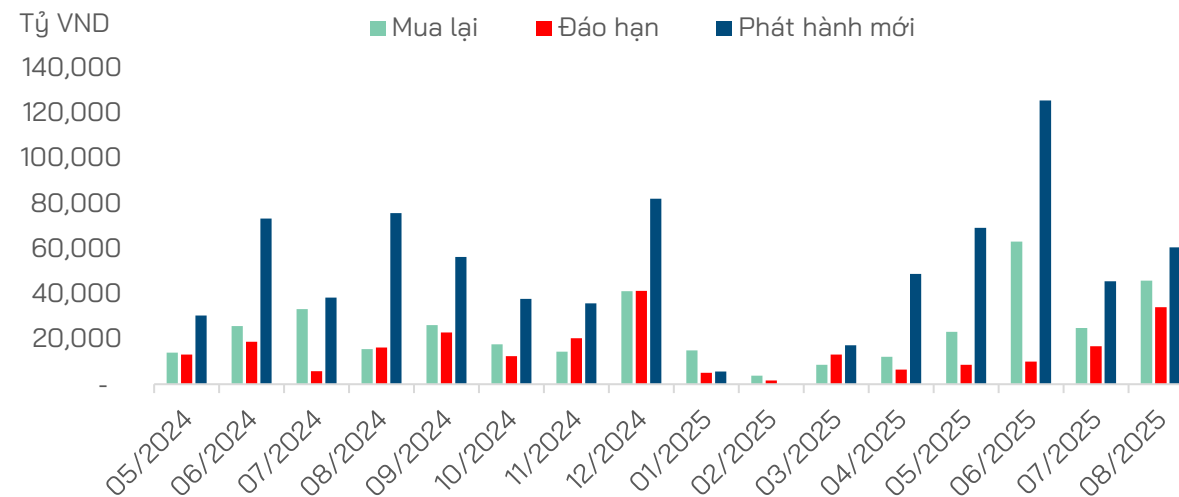
Tư vấn phát hành:

- ❖ **Tính từ đầu năm đến ngày 31/08/2025**, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu do nhóm ngân hàng phát hành) với 42,884 tỷ đồng (47.9% quy mô phát hành), đứng thứ hai là HDS với 11,581 tỷ đồng (12.9% quy mô phát hành).

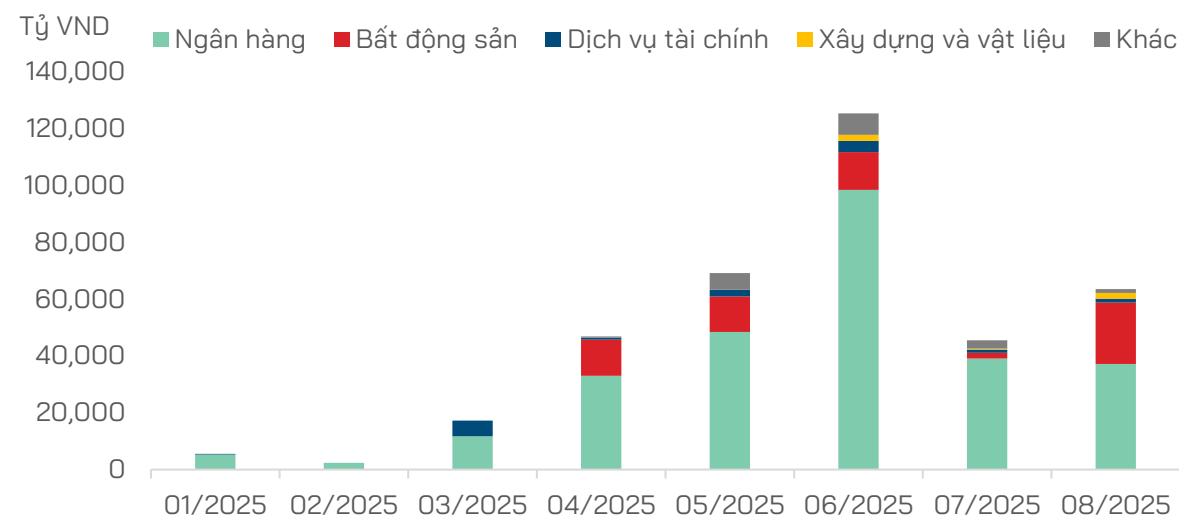
Thị trường Sơ cấp: nhóm Bất động sản tăng mạnh phát hành mới trong tháng

- Tính đến cuối tháng 08/2025, tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành khoảng 1,328,706 tỷ đồng, giảm -1.45% so với tháng trước.
- **Hoạt động phát hành mới phục hồi trong tháng 08/2025 sau khi sụt giảm trong tháng 7 đạt 60,562 tỷ đồng, tăng +33.1% so với tháng trước.** Trong đó, phát hành riêng lẻ đạt 57,230 (+79% so tháng trước) chiếm 90% tổng giá trị phát hành và phát hành công chúng đạt 6,332 tỷ đồng, chiếm 10% (-53.3% so tháng trước).
- **Nhóm Ngân hàng và Bất động sản chiếm phần lớn giá trị phát hành**, lần lượt ở mức 37,214 tỷ đồng (chiếm 59%) và 21,623 tỷ đồng (chiếm 34%).
- **Tổ chức phát hành tiêu biểu trong tháng:** Vinhomes (15,000 tỷ đồng), OCB (7,900 tỷ đồng), Ngân hàng Bắc Á (4,700 tỷ đồng), HDBank (4,532 tỷ đồng), LPBank (4,500 tỷ đồng), MBBank (2,750 tỷ đồng).
- **Hoạt động mua lại trái phiếu cũng tăng trở lại so với kỳ trước đạt 45,767 tỷ đồng, +84.0% MoM.** Với chủ yếu là nhóm Ngân hàng mua lại 26,685 tỷ đồng (chiếm 58%) và nhóm Bất động sản mua lại 7,855 tỷ đồng (chiếm 17%).
- **Đáo hạn trái phiếu tiếp tục tăng mạnh khi đạt 33,997 tỷ đồng, tăng +102.8% so với tháng trước.**
- **Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm tích cực đối với thị trường TPDN trong thời gian tới.** Việc cải thiện chất lượng phát hành và cơ chế minh bạch đang từng bước củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Khối Ngân hàng nhiều khả năng sẽ đóng vai trò đầu tàu khi mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% trong năm 2025 tạo động lực thúc đẩy nhu cầu huy động vốn qua kênh trái phiếu. Bên cạnh đó, triển vọng hồi phục của thị trường bất động sản cùng với sự khởi sắc trong sản xuất, xuất khẩu dịch vụ và đầu tư công sẽ là các yếu tố quan trọng hỗ trợ đà tăng trưởng của thị trường.

Hoạt động trong tháng 08/2025



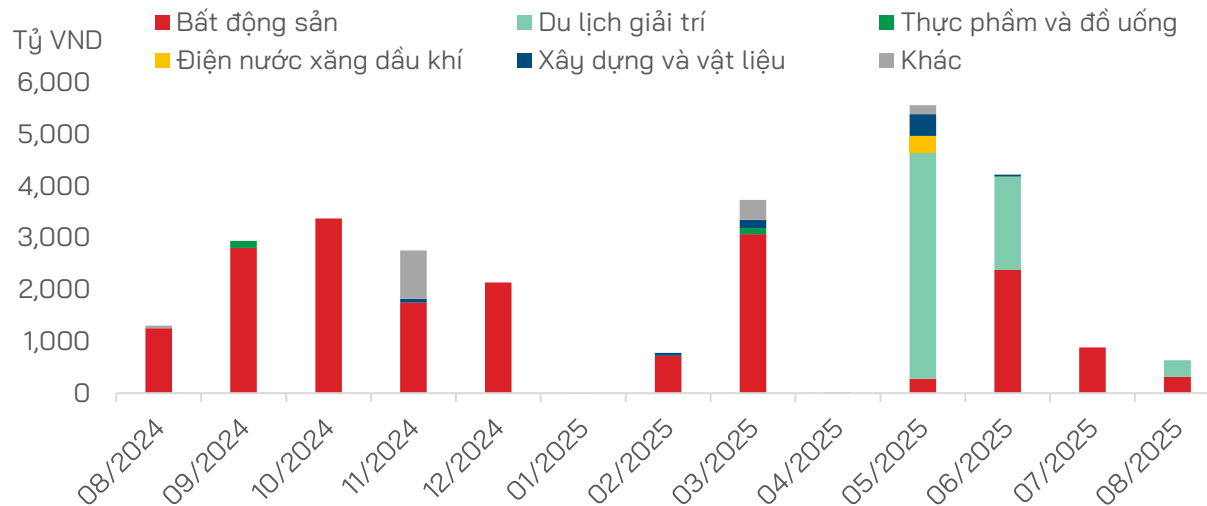
Phát hành mới theo ngành



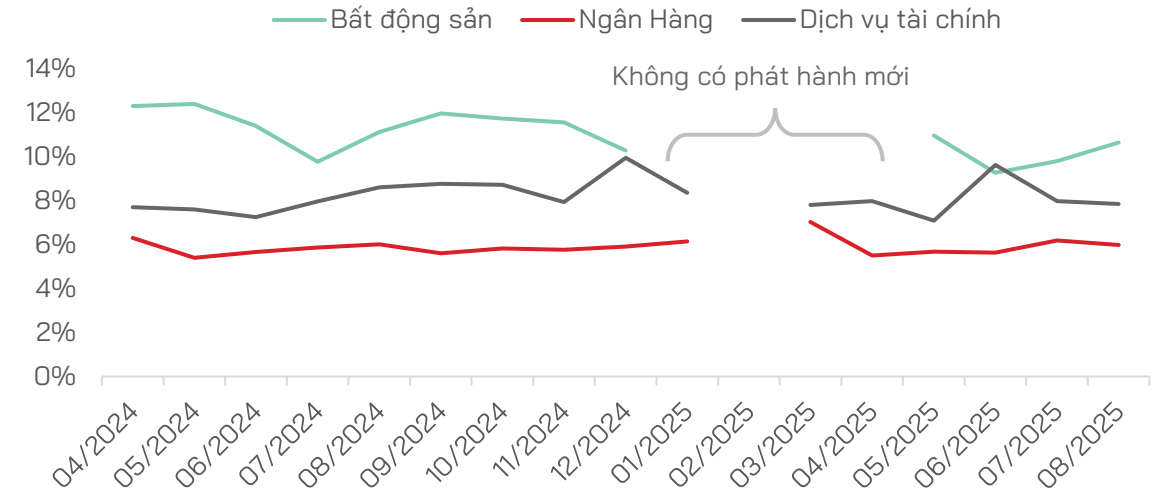
Thị trường Sơ cấp: Chênh lệch lãi suất nhóm Bất động sản và Ngân hàng tăng trở lại

- Trong tháng 8/2025, mặt bằng lãi suất phát hành trái phiếu có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm ngành. Lãi suất phát hành của nhóm Ngân hàng giảm từ 6.19% trong tháng 7 xuống mức 5.99% trong tháng 8/2025. Ngược lại, Nhóm Bất động sản tăng từ mức 9.80% lên mức 10.64%. Do đó, chênh lệch lãi suất của nhóm Bất động sản so với nhóm Ngân hàng tăng trở lại từ 3.6% lên mức 4.7%.
- Trái phiếu trả chậm trong tháng 8/2025 giảm khi đạt 637 tỷ đồng, giảm -28.1% so với tháng trước. Trái phiếu trả chậm chủ yếu từ nhóm ngành Du lịch giải trí (320 tỷ đồng) và nhóm Bất động sản (317 tỷ đồng).

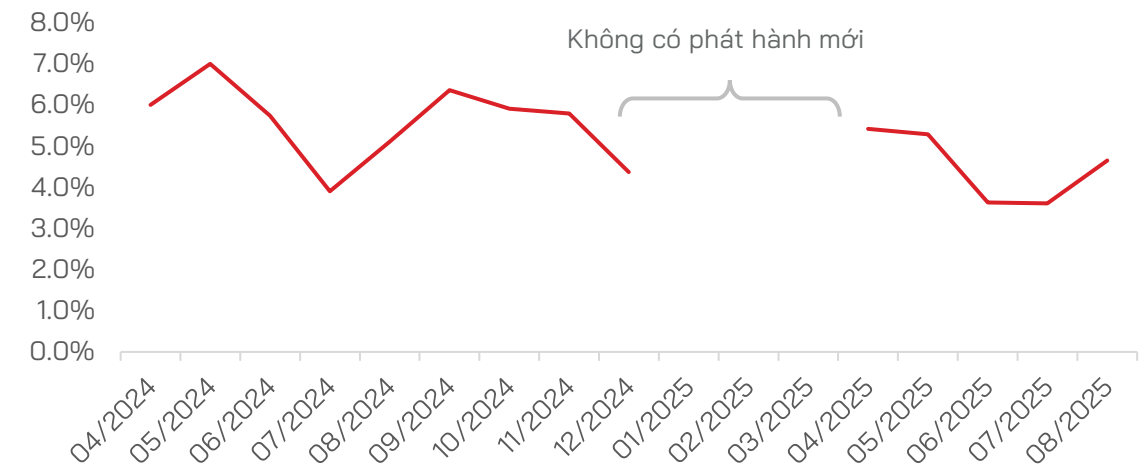
Tình hình các trái phiếu trả chậm



Diễn biến lãi suất các nhóm chính

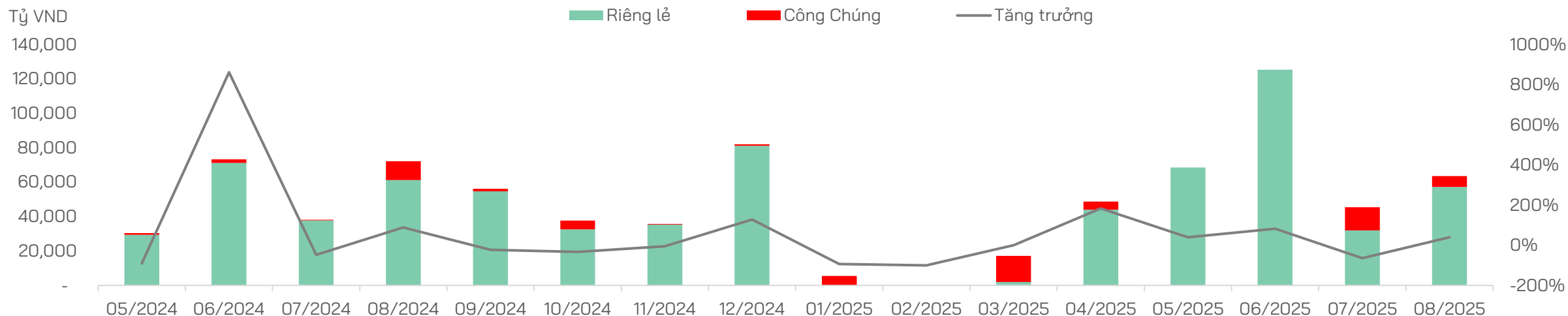


Chênh lệch lãi suất phát hành giữa BĐS và Ngân hàng

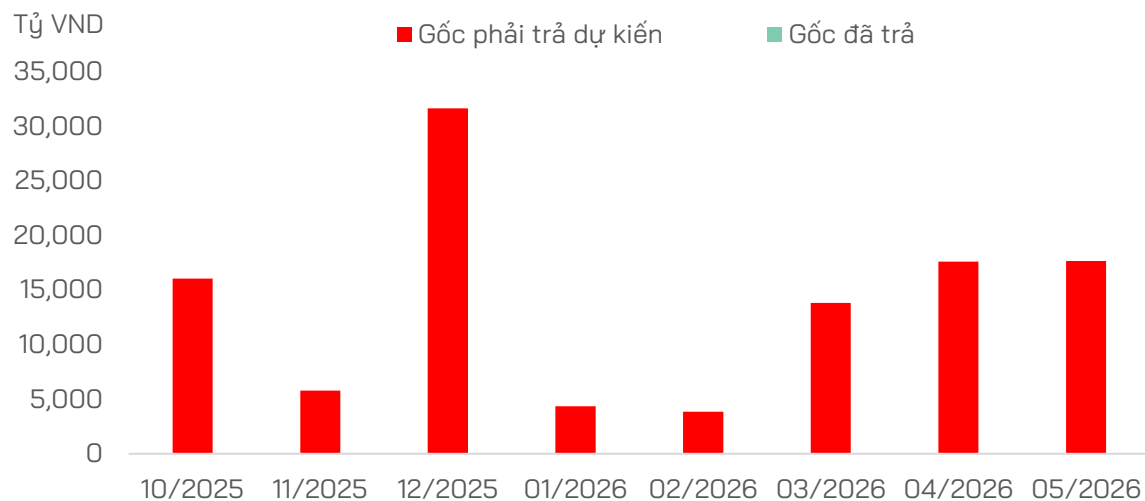


Thị trường Sơ cấp: Phát hành riêng lẻ cải thiện so với tháng trước

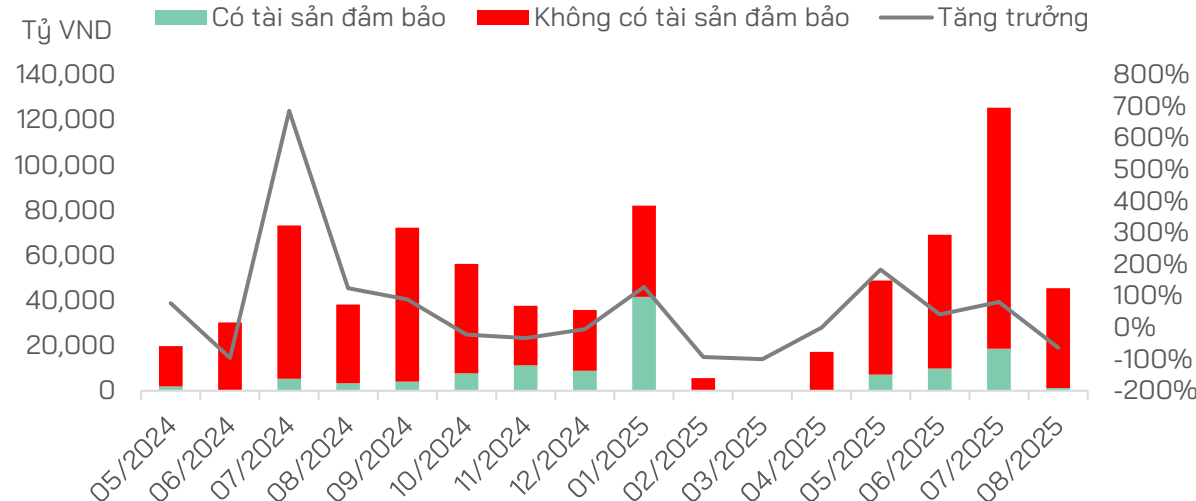
Giá trị phát hành trái phiếu theo hình thức



Gốc phải trả trái phiếu dự kiến



Trái phiếu có tài sản bảo đảm



Thị trường Sơ cấp: Thống kê giá trị phát hành mới trong tháng 8 theo nhóm ngành

	Tổng			Cổ định			Thả nổi và Kết hợp		
Ngành	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ
Bất động sản	21,623	3.89	10.64%	18,923	3.91	10.66%	2,700	3.74	10.11%
Kỳ hạn 1-3 năm	315	2.00	10.50%	315	2.00	10.50%			
Kỳ hạn 3-5 năm	17,950	3.39	10.96%	15,250	3.33	10.98%	2,700	3.74	10.11%
Kỳ hạn 5-7 năm	900	6.00	9.20%	900	6.00	9.20%			
Kỳ hạn hơn 7 năm	2,458	7.00	9.20%	2,458	7.00	9.20%			
Dịch vụ tài chính	1,400	1.32	7.85%	1,200	1.21	8.02%	200	2.00	6.79%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,400	1.32	7.85%	1,200	1.21	8.02%	200	2.00	6.79%
Ngân hàng	34,214	4.09	6.00%	25,300	2.69	5.61%	8,914	8.08	7.15%
Kỳ hạn 1-3 năm	7,800	2.00	5.62%	7,800	2.00	5.62%			
Kỳ hạn 3-5 năm	17,500	3.00	5.61%	17,500	3.00	5.61%			
Kỳ hạn hơn 7 năm	8,914	8.08	7.15%				8,914	8.08	7.15%
Thực phẩm và đồ uống	1,000	3.00	10.50%	1,000	3.00	10.50%			
Kỳ hạn 3-5 năm	1,000	3.00	10.50%	1,000	3.00	10.50%			
Xây dựng và Vật liệu	2,000	10.00	8.33%				2,000	10.00	8.33%
Kỳ hạn hơn 7 năm	2,000	10.00	8.33%				2,000	10.00	8.33%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	325	5.00	9.50%	325	5.00	9.50%			
Kỳ hạn 5-7 năm	325	5.00	9.50%	325	5.00	9.50%			

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 8

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn trái phiếu	Coupon dự kiến kỳ kế tiếp	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
1	VIB12502	VIBBank	Ngân hàng	29/08/2025	29/08/2028	1,200	2 Năm	5.60%	Không	Cố định
2	BCM12502	Becamex IDC	Bất động sản	29/08/2025	29/08/2029	2,000	2 Năm	10.50%	Có	Kết hợp
3	OCB12521	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	29/08/2025	29/08/2028	1,200	2 Năm	5.30%	Không	Cố định
4	MBB12523	MBBank	Ngân hàng	29/08/2025	29/08/2035	70	2 Năm	6.48%	Không	Thả nổi
5	OCB12518	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2028	1,800	2 Năm	5.30%	Không	Cố định
6	OCB12520	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2027	1,000	2 Năm	6.00%	Không	Cố định
7	OCB12519	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2027	600	2 Năm	5.90%	Không	Cố định
8	VIB12501	VIBBank	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2028	1,000	2 Năm	5.60%	Không	Cố định
9	LPB12505	LPBank	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2028	1,500	2 Năm	5.90%	Không	Cố định
10	GRL12501	Đầu Tư Và Phát Triển BĐS Green Land	Bất động sản	28/08/2025	28/08/2027	315	2 Năm	10.50%	Có	Cố định
11	MSG32503	May - Diêm Sài Gòn	Bất động sản	28/08/2025	28/08/2032	1,468	2 Năm		Không	Cố định
12	TPB12529	TPBank	Ngân hàng	28/08/2025	28/08/2035	200	2 Năm	6.80%	Không	Thả nổi
13	HDC12501	Phát triển Nhà BR-VT	Bất động sản	27/08/2025	27/08/2028	200	2 Năm	11.00%	Có	Kết hợp
14	VND32501	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	27/08/2025	27/08/2026	250	2 Năm		Không	Cố định
15	OCB12517	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	27/08/2025	27/08/2028	300	2 Năm	5.70%	Không	Cố định
16	HDB12501	HDBank	Ngân hàng	26/08/2025	26/08/2027	2,000	2 Năm	5.50%	Không	Cố định
17	MBB12522	MBBank	Ngân hàng	26/08/2025	26/08/2033	200	2 Năm	6.38%	Không	Kết hợp
18	TPB12528	TPBank	Ngân hàng	26/08/2025	26/08/2035	553	2 Năm	7.28%	Không	Thả nổi
19	BAB125022	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	25/08/2025	25/08/2032	700	2 Năm	6.60%	Không	Thả nổi
20	BAB125023	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	25/08/2025	25/08/2032	800	2 Năm	6.80%	Không	Thả nổi
21	MSG32502	May - Diêm Sài Gòn	Bất động sản	25/08/2025	25/08/2032	500	2 Năm		Không	Cố định
22	TPB12526	TPBank	Ngân hàng	22/08/2025	22/08/2035	518	2 Năm	7.28%	Không	Thả nổi
23	TPB12527	TPBank	Ngân hàng	22/08/2025	22/08/2035	500	2 Năm	7.28%	Không	Thả nổi
24	VPB12512	VPBank	Ngân hàng	22/08/2025	22/08/2028	500	2 Năm	5.30%	Không	Cố định
25	LPB12504	LPBank	Ngân hàng	21/08/2025	21/08/2028	1,000	2 Năm	5.90%	Không	Cố định
26	OCB12516	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	21/08/2025	21/08/2028	1,000	2 Năm	5.7%	Không	Cố định
27	SHB12504	SHB	Ngân hàng	21/08/2025	21/08/2032	500	2 Năm	7.7%	Không	Kết hợp
28	TPB12525	TPBank	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2035	100	2 Năm	6.8%	Không	Thả nổi
29	LPB12503	LPBank	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2028	1,000	2 Năm	5.9%	Không	Cố định
30	NAB12504	Ngân hàng Nam Á	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2032	200	2 Năm		Không	Thả nổi
31	MBB12521	MBBank	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2032	200	2 Năm	6.3%	Không	Thả nổi

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 8

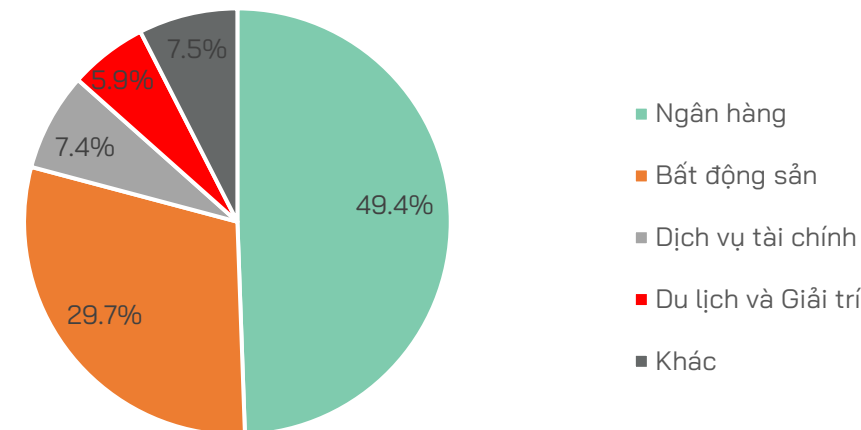
STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn trái phiếu	Coupon dự kiến kỳ kế tiếp	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
32	ACB12516	ACB	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2027	2,000	2 Năm	5.7%	Không	Cố định
33	HDBC7Y253202	HDBank	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2032	32	2 Năm	6.6%	Không	Thả nổi
34	NAB125004	Ngân hàng Nam Á	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2032	200	2 Năm		Không	Thả nổi
35	HDB125025	HDBank	Ngân hàng	20/08/2025	20/08/2033	2,499	2 Năm	6.7%	Không	Thả nổi
36	BHB12501	Năng Lượng Bắc Hà	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20/08/2025	20/08/2030	325	2 Năm	9.5%	Không	Cố định
37	BAB12506	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	19/08/2025	19/08/2028	1,000	2 Năm	5.8%	Không	Cố định
38	TPB12523	TPBank	Ngân hàng	19/08/2025	19/08/2035	209	2 Năm	7.3%	Không	Thả nổi
39	TPB12524	TPBank	Ngân hàng	19/08/2025	19/08/2035	53	2 Năm	6.9%	Không	Thả nổi
40	EVF12502	Tài chính Tổng hợp Điện lực	Dịch vụ tài chính	18/08/2025	18/08/2027	200	2 Năm	6.7%	Không	Kết hợp
41	CII425021	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	18/08/2025	18/08/2035	2,000	2 Năm	10.0%	Không	Kết hợp
42	F8812506	Kinh doanh F88	Dịch vụ tài chính	18/08/2025	18/02/2027	100	2 Năm	10.5%	Không	Cố định
43	ASS12501	Chứng khoán ACB	Dịch vụ tài chính	18/08/2025	18/08/2027	200	2 Năm	6.5%	Không	Cố định
44	LPB12502	LPBank	Ngân hàng	15/08/2025	15/08/2028	1,000	2 Năm	5.9%	Không	Cố định
45	SHB12503	SHB	Ngân hàng	15/08/2025	15/08/2032	800	2 Năm	7.7%	Không	Kết hợp
46	VPI12502	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	15/08/2025	15/08/2028	250	2 Năm	10.0%	Có	Cố định
47	VHM12501	Vinhomes	Bất động sản	15/08/2025	15/02/2029	8,000	2 Năm	11.0%	Có	Cố định
48	VHM12502	Vinhomes	Bất động sản	15/08/2025	15/11/2028	7,000	2 Năm	11.0%	Có	Cố định
49	SHS12501	Chứng khoán SG - HN	Dịch vụ tài chính	14/08/2025	14/08/2026	550	2 Năm	8.0%	Không	Cố định
50	TVR32504	Thanh Vinh Realty.,jsc	Bất động sản	13/08/2025	13/08/2031	600	2 Năm	9.2%	Không	Cố định
51	ABB12512	Ngân hàng An Bình	Ngân hàng	13/08/2025	13/08/2027	1,000	2 Năm	5.5%	Không	Cố định
52	VAB125020	Ngân hàng Việt Á	Ngân hàng	13/08/2025	13/08/2032	300	2 Năm	7.5%	Không	Kết hợp
53	MBB12520	MBBank	Ngân hàng	12/08/2025	12/08/2028	2,000	2 Năm	5.7%	Không	Cố định
54	MSG32501	May - Diêm Sài Gòn	Bất động sản	12/08/2025	12/08/2032	490	2 Năm		Không	Cố định
55	OCB12515	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	12/08/2025	12/08/2028	2,000	2 Năm	5.4%	Không	Cố định
56	HTL12501	Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Thực phẩm và đồ uống	08/08/2025	08/08/2028	1,000	2 Năm	10.5%	Có	Cố định
57	BAB12505	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	07/08/2025	07/08/2027	1,200	2 Năm	5.4%	Không	Cố định
58	MBB12519	MBBank	Ngân hàng	06/08/2025	06/08/2033	280	2 Năm	6.4%	Không	Thả nổi
59	BCM12501	Becamex IDC	Bất động sản	06/08/2025	06/08/2028	500	2 Năm	10.0%	Có	Kết hợp
60	BAB12504	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	05/08/2025	05/08/2028	1,000	2 Năm	5.5%	Không	Cố định
61	F8812505	Kinh doanh F88	Dịch vụ tài chính	01/08/2025	01/08/2026	100	2 Năm	10.0%	Không	Cố định
62	TVR32503	Thanh Vinh Realty.,jsc	Bất động sản	01/08/2025	01/08/2031	300	2 Năm		Không	Cố định

Thị trường Sơ cấp: Kế hoạch phát hành trong tháng 9/2025

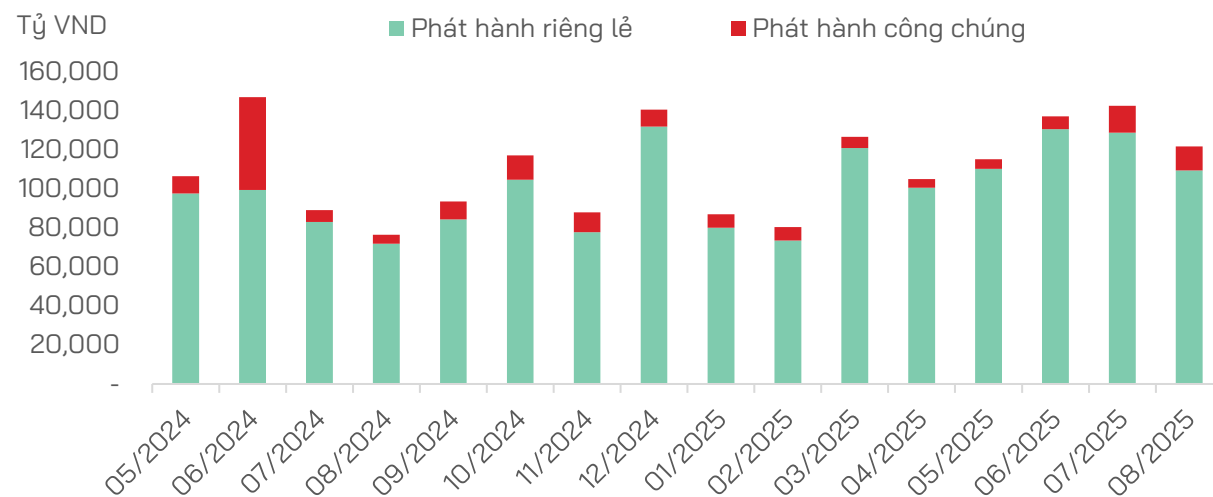
Thời gian	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn (Năm)	Coupon (%)
30/09/2025	BVB_TPCC_2024_2025_4	Ngân hàng Bản Việt - BVBank	1,500	8.00	
30/09/2025	TCXCPO2527004	Chứng khoán TCBS	1,000	2.00	
30/09/2025	TCXCPO2527002	Chứng khoán TCBS	1,000	2.00	
30/09/2025	HDB_TPQT_2025	HDBank		3.00	
30/09/2025	TCOH2526001	TCO Holdings	260	1.00	
30/09/2025	VAB_TPCC_2025_2	Ngân hàng Việt Á	300	7.00	

- **Trong tháng 8/2025, thanh khoản thị trường thứ cấp TPDN suy giảm.** Giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường thứ cấp trong tháng 08/2025 đạt 5,798 tỷ đồng, giảm -6.4% so với tháng trước.
- **Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt 121,761 tỷ đồng, giảm -14.5% MoM.** Trong đó, nhóm phát hành riêng lẻ đạt 109,311 tỷ đồng (-15.1% MoM) và nhóm phát hành công chúng đạt 12,450 tỷ đồng (-8.8% MoM).
- **Nhóm Ngân hàng và nhóm Bất động sản vẫn chiếm phần lớn khối lượng giao dịch,** với tỷ trọng lần lượt ở mức 49.4% và 29.7% trong tháng 08/2025.

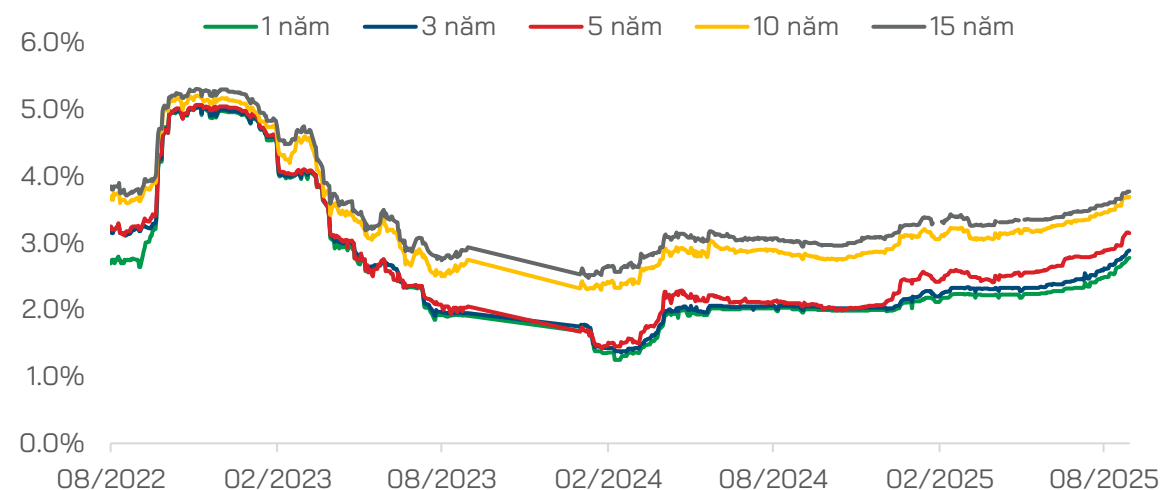
Giá trị phát hành theo ngành



Phát hành trái phiếu



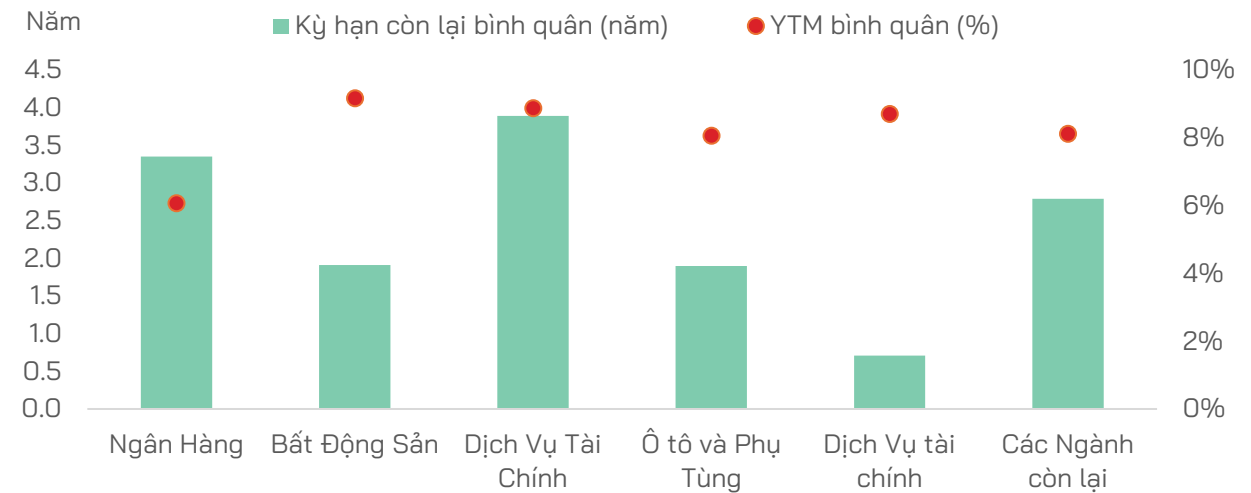
Đường cong lợi suất Trái phiếu Chính phủ



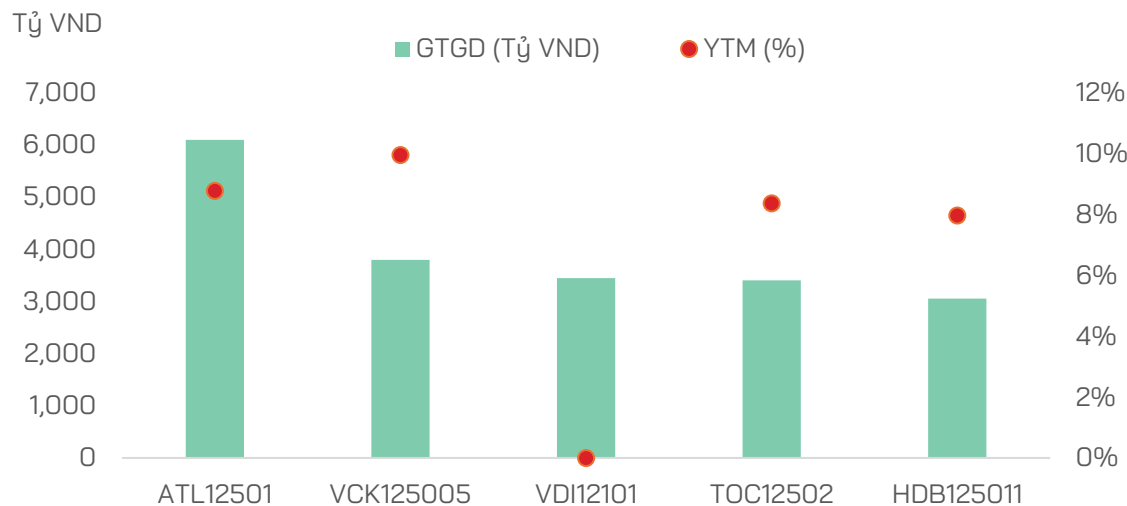
Thị trường Thứ cấp: Thanh khoản tập trung ở Ngân hàng, lợi suất cao nhất thuộc VIN

- **Top 5 trái phiếu có thanh khoản cao nhất chủ yếu là các Tổ chức phát hành thuộc nhóm Ngân hàng:** ACB (9,968 tỷ đồng), HDBank (7,912 tỷ đồng), TPBank (5,119 tỷ đồng), BIDV (4,328 tỷ đồng), và nhóm phi tài chính như Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp An Thịnh (6,095 tỷ đồng), Vietjet Air (4,844 tỷ đồng).
- **VinGroup dẫn đầu về lợi suất đáo hạn (YTM) với 13.88% YTM đạt giá trị giao dịch 2,463 tỷ đồng.** Theo sau là SHB (7.14% YTM) với giá trị giao dịch đạt 2,427 tỷ đồng và Shinhan Việt Nam (5.81% YTM) với giá trị giao dịch đạt 4,022 tỷ đồng.

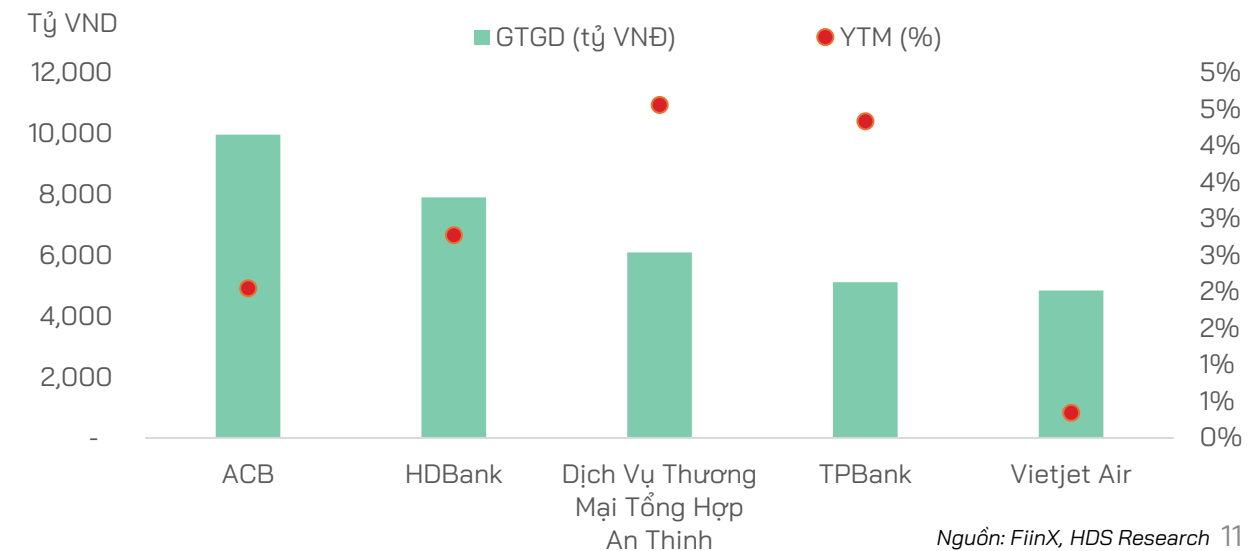
Tương quan lãi suất thị trường thứ cấp và kỳ hạn còn lại



Top 5 mã trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Top 5 TCPH có trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Thị trường Thứ cấp: Thống kê giao dịch trong tháng theo ngành

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	Phát hành công chứng (Tỷ VND)	Phát hành riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Ngân hàng	60,194	6,443	53,750	3.61	6.07%
Kỳ hạn <1 năm	2,002	-	2,002	0.85	6.22%
Kỳ hạn 1-3 năm	32,194	-	32,194	2.07	5.37%
Kỳ hạn 3-5 năm	162	8	154	3.40	7.65%
Kỳ hạn 5-7 năm	20,743	5,828	14,916	6.17	7.57%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	5,093	608	4,485	7.36	7.40%
Bất động sản	36,164	763	35,401	1.88	9.17%
Kỳ hạn <1 năm	7,884	189	7,695	0.61	11.17%
Kỳ hạn 1-3 năm	19,292	574	18,719	1.63	9.06%
Kỳ hạn 3-5 năm	8,709	-	8,709	3.41	8.04%
Kỳ hạn 5-7 năm	279	-	279	5.88	6.93%
Dịch vụ tài chính	9,057	3,843	5,214	3.97	8.87%
Kỳ hạn <1 năm	460	13	447	0.73	6.76%
Kỳ hạn 1-3 năm	4,648	3,830	818	2.12	8.38%
Kỳ hạn 3-5 năm	2,030	-	2,030	3.29	10.72%
Kỳ hạn 5-7 năm	1,920	-	1,920	6.24	7.98%
Du lịch và Giải trí	7,198	-	7,198	3.65	9.19%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,908	-	1,908	1.98	9.16%
Kỳ hạn 3-5 năm	5,290	-	5,290	4.25	9.24%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	998	-	998	3.27	6.13%
Kỳ hạn <1 năm	104	-	104	0.32	6.05%
Kỳ hạn 1-3 năm	37	-	37	1.54	32.88%
Kỳ hạn 3-5 năm	697	-	697	3.41	3.32%
Kỳ hạn 5-7 năm	160	-	160	4.96	12.92%

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	Phát hành công chứng (Tỷ VND)	Phát hành riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Tài nguyên Cơ bản	1,008	689	319	1.16	9.43%
Kỳ hạn <1 năm	249	-	249	0.86	9.29%
Kỳ hạn 1-3 năm	602	552	50	1.76	0.00%
Kỳ hạn 3-5 năm	157	136	21	3.28	9.78%
Xây dựng và Vật liệu	1,210	494	716	2.22	9.72%
Kỳ hạn <1 năm	11	0	11	0.97	9.93%
Kỳ hạn 1-3 năm	720	61	659	1.89	10.09%
Kỳ hạn 3-5 năm	46	-	46	4.92	10.12%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	433	433	-	8.43	0.08%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,020	18	-	3.08	8.18%
Kỳ hạn <1 năm	512	-	-	0.75	8.59%
Kỳ hạn 1-3 năm	105	18	87	2.06	8.82%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,403	-	1,403	3.99	7.98%
Ô tô và phụ tùng	1,824	-	1,824	2.38	8.06%
Kỳ hạn <1 năm	13	-	13	0.12	7.79%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,378	-	1,378	1.84	7.38%
Kỳ hạn 3-5 năm	432	-	432	4.17	12.47%
Thực phẩm và đồ uống	1,835	191	1,644	0.68	8.70%
Kỳ hạn <1 năm	1,303	31	1,272	0.29	8.22%
Kỳ hạn 1-3 năm	532	160	373	1.97	10.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	8	8	-	0.72	9.24%
Kỳ hạn <1 năm	3	3	-	0.72	9.24%
Kỳ hạn 3-5 năm	5	5	-	0.00	0.00%
Công nghệ Thông tin	243	-	243	1.02	8.99%
Kỳ hạn 1-3 năm	243	-	243	1.02	8.99%

Thị trường Thứ cấp: Top Thanh khoản trong tháng theo Tổ chức phát hành

STT	Tổ chức phát hành	Mã	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	YTM	YTM (%)	Giá sạch bình quân (VNĐ)	Thay đổi giá sạch (%)	Giá bản bình quân (VND)	Thay đổi giá bản (%)
1	ACB	ACB	9,968	25	2.05%	-5.57%	1,001,303,727	-0.35%	1,017,413,036	0.16%
2	HDBank	HDB	7,912	80.3	2.78%	-7.49%	175,962,199	0.09%	178,467,937	-3.86%
3	Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp An Thịnh	106504913	6,095	15.6	4.56%	-8.86%	100,282,266	0.00%	101,576,482	0.59%
4	TPBank	TPB	5,119	28.6	4.34%	-5.57%	100,295,382	-0.04%	102,385,542	3.30%
5	Vietjet Air	VJC	4,844	41.3	0.35%	0.00%	102,602,507	4.19%	104,846,217	7.48%
6	BIDV	BID	4,328	74.6	2.28%	-6.37%	976,035,645	0.00%	986,955,986	0.02%
7	Đầu tư Đường Mặt Trời	102095882	4,130	8.3	2.66%	-7.98%	100,000,000	0.00%	101,985,198	0.21%
8	Shinhan Việt Nam	SHBVN	4,022	15	5.81%	0.00%	996,288,879	0.00%	1,005,617,143	0.25%
9	Techcombank	TCB	3,990	17.5	1.16%	-5.11%	1,000,372,822	0.05%	1,023,115,963	0.51%
10	TMại và Đầu tư Việt Đức	108596412	3,449	40.1	0.00%	0.00%	163,490,598	0.48%	163,490,598	0.48%
11	Bất Động Sản Tco	108336478	3,406	15.6	5.46%	-8.32%	100,585,828	0.39%	101,910,045	1.06%
12	VinGroup	VIC	3,310	18.8	7.16%	-13.61%	103,252,036	-1.13%	104,300,043	-0.25%
13	Ngân hàng Phương Đông	OCB	3,087	25.3	5.36%	-0.06%	1,001,916,281	0.32%	1,029,294,166	3.16%
14	Ngân hàng An Bình	ABB	3,050	20.7	5.25%	0.01%	1,005,630,563	-0.02%	1,016,728,176	0.19%
15	VIBBank	VIB	2,787	35.5	0.95%	-7.77%	1,000,487,246	0.08%	1,051,682,199	0.46%
16	SHB	SHB	2,427	81.9	7.14%	-7.96%	873,771,617	0.02%	883,677,484	0.61%
17	Agribank	AGRB	2,265	38.5	3.13%	0.26%	97,687,887	-0.67%	98,253,953	-0.15%
18	ĐT và PT Du lịch Phú Quốc	1701971178	2,029	26.7	0.00%	0.00%	34,453,278	-1.10%	34,924,685	-1.10%
19	Vinhomes	VHM	1,578	24.8	4.78%	-9.66%	101,815,721	-0.63%	103,103,831	0.06%
20	Hưng Thịnh Land	302588518	1,424	9.6	0.00%	0.00%	100,178	-0.89%	100,178	-0.89%

Thị trường Thứ cấp: Top các mã trái phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất trong tháng

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (năm)	YTM	YTM (%)	Giá sạch (VND)	Giá bẩn (VND)	Giá bẩn BQ (VND)	Giá sạch BQ (VND)
1	TMR12301	4,895	59.2			107,846,572	108,401,093	123,050,361	122,483,471
2	VPB12502	4,539	33.3	5.40%	-0.01%	999,929,102	1,011,468,828	1,008,763,917	999,892,695
3	VDI12101	4,480	41.0			162,877,646	162,877,646	162,452,299	158,446,570
4	VIL12301	4,127	46.8			136,898,138	137,603,070	137,561,813	136,879,615
5	VIF12501	4,004	33.8	0.1076	-0.0041	105,561,839	107,719,373	105,916,575	104,672,919
6	CPL12303	3,695	35.7	1.06%	-0.14%	100,000,000	100,016,438	99,911,159	99,808,026
7	BID12427	3,000	84.3	0.0649	0	999,777,808	1,000,100,000	1,000,100,000	999,777,808
8	VCK125005	2,543	18.7	9.79%	0.54%	96,566	100,000	100,000	96,885
9	HTA12301	2,463	28.8	0.1388	-0.007	99,917,808	101,035,616	99,326,927	98,464,267
10	VIC12504	2,433	20.8	12.03%	0.33%	103,746,073	106,485,799	103,646,072	101,166,184
11	VJC12406	2,187	52.5			101,165,507	102,672,356	104,625,708	102,877,858
12	DPQ12501	2,156	59.1			101,122,721	101,999,707	100,986,299	100,306,761
13	OCB12414	2,119	11.9	0.0475	0	1,008,763,429	1,059,546,991	1,059,546,991	1,008,763,429
14	STB12403	2,093	13.8	5.89%	-0.01%	1,000,968,724	1,047,489,272	1,046,689,533	1,000,908,287
15	HDB12426	1,974	88.5	0.0749	-0.0005	100,000,000	105,037,945	104,786,365	99,873,320
16	VIB12410	1,821	77.0	7.66%	0.03%	999,156,459	1,045,030,432	1,046,587,255	1,003,291,744
17	CPL12301	1,800	35.7	0.0101	0	100,000,000	100,013,699	100,002,283	100,000,000
18	ACB12502	1,627	19.9	5.57%	-0.01%	1,000,267,403	1,017,144,115	1,017,012,606	1,000,212,596
19	HDB125011	1,600	80.3	0.0781	0.0009	97,434	100,000	100,000	97,740
20	BID12431	1,578	73.1	6.49%	0.00%	1,000,150,278	1,052,204,388	1,052,020,040	1,000,045,026

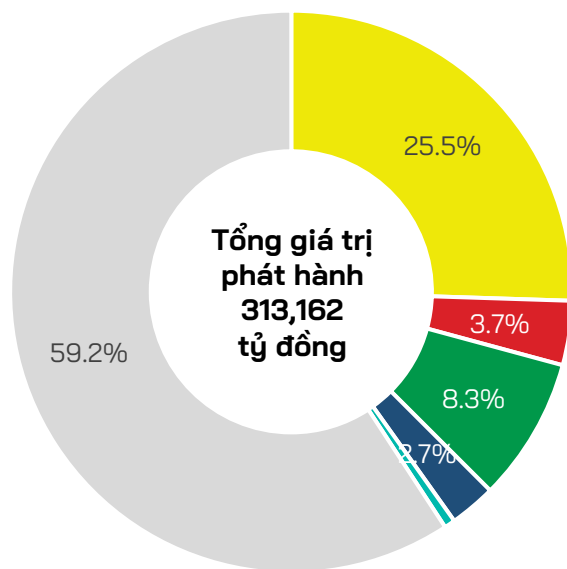
Lịch Thanh toán gốc đáo hạn Trái phiếu doanh nghiệp tháng 09 - 10/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSDB	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
1	ACB12321	ACB	Ngân hàng	2,000	19/09/2023	19/09/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
2	GME12105	Giải trí và Giáo dục Galaxy	Du lịch và Giải trí	25	20/09/2021	20/09/2025	4 Năm	Có	Cố định	Bình thường
3	SSA12103	Sunshine AM	Bất động sản	1,000	21/09/2021	21/09/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
4	VIF12203	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	10	26/09/2022	26/09/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
5	VIF12208	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	300	26/09/2022	26/09/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
6	VIF12209	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	300	26/09/2022	26/09/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
7	VIF12202	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	10	26/09/2022	26/09/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
8	F8812408	Kinh doanh F88	Dịch vụ tài chính	70	01/10/2024	01/10/2025	1 Năm	Không	Cố định	Bình thường
9	TCI12401	Chứng khoán Thành Công	Dịch vụ tài chính	400	04/10/2024	04/10/2025	1 Năm	Có	Cố định	Bình thường
10	HMGH1825001	Đường Man	Thực phẩm và đồ uống	1,400	05/10/2018	05/10/2025	7 Năm	Không	Cố định	Bình thường
11	TW000F169016	Phát triển Phú Mỹ Hưng	Bất động sản	1,854	06/10/2020	06/10/2025	5 Năm	Không	Thả nổi	Bình thường
12	VDS12404	Chứng khoán Rồng Việt	Dịch vụ tài chính	900	09/10/2024	09/10/2025	1 Năm	Không	Cố định	Bình thường
13	CRE202001	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	450	31/12/2020	13/10/2025	57 tháng	Có	Kết hợp	Bình thường
14	CIV12101	ĐT và PT BĐS Thế Kỷ	Bất động sản	650	13/10/2021	13/10/2025	48 tháng	Có	Cố định	Bình thường
15	TCX124012	Chứng khoán TCBS	Dịch vụ tài chính	500	15/04/2024	15/10/2025	18 Tháng	Không	Kết hợp	Bình thường
16	GTLCH2125001	Gotec Land	Bất động sản	600	15/10/2021	15/10/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
17	PAF12302	PAN Farm	Thực phẩm và đồ uống	200	16/10/2023	16/10/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
18	ACB12323	ACB	Ngân hàng	900	16/10/2023	16/10/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
19	VHM12304	Vinhomes	Bất động sản	2,000	17/10/2023	17/10/2025	2 Năm	Có	Cố định	Bình thường
20	VHM12303	Vinhomes	Bất động sản	1,500	17/10/2023	17/10/2025	2 Năm	Có	Cố định	Bình thường
21	EDI12301	PT Năng lượng Trung Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,230	18/10/2023	18/10/2025	2 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
22	GME12106	Giải trí và Giáo dục Galaxy	Du lịch và Giải trí	25	19/10/2021	19/10/2025	4 Năm	Có	Cố định	Bình thường
23	ACB12324	ACB	Ngân hàng	2,500	20/10/2023	20/10/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
24	SSBH2023001	ĐT Thương mại Sunshine Business	Xây dựng và Vật liệu	100	22/10/2020	22/10/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
25	SMM12101	Sunshine Marina Nha Trang	Xây dựng và Vật liệu	750	25/10/2021	25/10/2025	4 Năm	Có	Cố định	Bình thường
26	SHR12101	Bất động sản S-Homes	Bất động sản	1,000	28/10/2021	28/10/2025	4 Năm	Có	Cố định	Bình thường
27	HBC12203	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	95	31/10/2022	31/10/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường

Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong 8 tháng đầu năm 2025

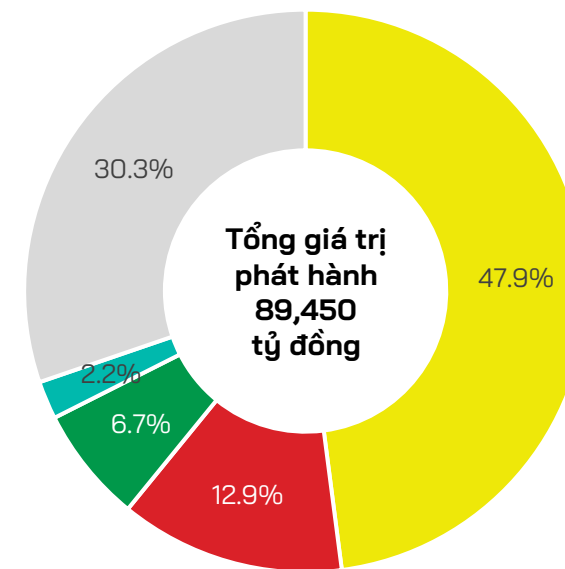
- **Tính từ đầu năm đến ngày 31/08/2025**, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu do nhóm ngân hàng phát hành) với 42,884 tỷ đồng tương đương 47.9% tổng quy mô phát hành, đứng thứ hai là HDS với 11,581 tỷ đồng tương đương 12.9% tổng quy mô phát hành.

Thị phần tư vấn phát hành



TCBS HDS BIDV VietinBank VDSC Khác

Thị phần tư vấn phát hành (trừ trái phiếu phát hành bởi ngân hàng)



TCBS HDS BIDV VDSC Khác

(*) HDS Research thu thập và tính toán từ dữ liệu của HNX và FiinPro

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666

CHI NHÁNH HÀ NỘI

 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/tin-tuc-su-kien/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập từ các nguồn được đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ tuyệt đối của các thông tin này. Các nhận định trong báo cáo phản ánh quan điểm tại thời điểm phát hành, có thể thay đổi theo diễn biến thị trường mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ mang tính tham khảo và không phải là khuyến nghị đầu tư. HDS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Báo cáo này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.